

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2026/ HNGĐ -ST**

Ngày 26/5/2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh; Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/10/2025 về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1, sinh ngày 08/4/1998 - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

CCCD số 066198006... cấp ngày 26/02/2022

Địa chỉ: Thôn Tân L2, xã Ph, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H2, sinh ngày 05/5/1996 - *(Vắng mặt)*

CCCD số 066096018... cấp ngày 27/12/2021

Địa chỉ: Thôn Tân L2, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ý kiến của nguyên đơn - Bà Trần Thị H:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn H2 yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Krông Pắc (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/10/2021. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện để giải

quyết mâu thuẫn nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 7/2025 tôi có làm đơn xin ly hôn sau khi được Toà án hoà giải tôi đã rút đơn, tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài.

Nguyện vọng của tôi là xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H2.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 và Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 (Cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 đã được giải quyết trong Quyết định số 122/2019/QĐST- HNGĐ ngày 05/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc).

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện tại tôi đang làm may cho xưởng may lương tháng khoảng 5.900.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của bị đơn - Ông Nguyễn Văn H2:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị H1 yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Krông Pắc (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/10/2021. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 7/2025 vợ tôi có làm đơn xin ly hôn sau khi được Toà án hoà giải vợ tôi đã rút đơn về. Tuy nhiên do con chúng tôi còn nhỏ nên muốn con có đầy đủ cả cha và mẹ.

Nguyện vọng của tôi là không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 và Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021.

Trong trường hợp ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 và giao cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 cho bà Trần Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã thu thập hồ sơ lưu trữ thể hiện:*

- Năm 2019, bà Trần Thị H1 đã khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H2. Tại quyết định số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019

của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2; Đồng thời công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 cho ông Nguyễn Văn H2 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Sau đó đến năm 2021, bà H1 ông H2 tiếp tục chung sống, sinh thêm cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh và bà H1 và ông H2 tiếp tục đăng ký kết hôn lại (tại UBND xã U, huyện Krông Pắc (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk).

- Đến năm 2025, bà Trần Thị H1 tiếp tục có khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H2. Tại biên bản hoà giải ngày 12/8/2025, ông H2 trình bày: *Trong thời gian chung sống vợ chồng không tránh khỏi những lúc có mâu thuẫn và cãi vã, đôi lúc tôi cũng nóng nảy không kiềm chế được bản thân nên có làm tổn thương vợ. Vì việc này tôi đã xin lỗi vợ, cố gắng làm việc vun đắp cho gia đình có cuộc sống tốt đẹp hơn. Nay vợ tôi xin ly hôn là điều tôi không mong muốn, tôi có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, chăm sóc các con, làm việc trả nợ vì chúng tôi mới xây nhà xong...*

Qua ý kiến của ông H2 và quá trình làm việc, bà H1 xét thấy nên tạo cho ông H2 một cơ hội để hàn gắn, vì vậy bà H1 đã xin rút yêu cầu khởi kiện đề về đoàn tụ gia đình. Do đó ngày 13/8/2025, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. **Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.**

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Trần Thị H1, cho bà Trần Thị H1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn H2;

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 cho bà Trần Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 đã được giải quyết trong Quyết định số 122/2019/QĐST- HNGĐ ngày 05/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Bà Trần Thị H1 là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Bà Trần Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn - Ông Nguyễn Văn H2 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Krông Pắc (nay là xã T), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/10/2021, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Trần Thị H1 xác định: Quá trình chung sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 7/2025 bà H1 có làm đơn xin ly hôn và sau khi được Tòa án hoà giải thì bà H1 đã rút đơn; Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H2, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà Trần Thị H1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn H2.

Quá trình xác minh địa phương tại thôn Tân Lập 2, xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Về tình trạng quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2 thì địa phương không nắm được, chỉ biết được thông tin ông H2 bà H1 có sống tại nhà được xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ của bà H1; Ông H2 hay đi làm xa thỉnh thoảng về nhà, thời gian gần đây không thấy ông H2 ở nhà. Về điều kiện kinh tế gia đình: Bà H1 làm may cho hộ gia đình, thu nhập cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được; Ông H2 qua tìm hiểu được biết ông làm nghề mộc, thu nhập cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2 là trầm trọng kéo dài, bà H1 đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện đề nghị giải quyết và cương quyết ly hôn với ông H2, cuộc sống vợ

chồng bà H1- ông H2 không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Trần Thị H1 yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn H2 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

3.2.1. Đối với cháu Nguyễn Trần Nguyên Khôi: Quá trình chung sống, kết hôn từ năm 2021, bà H1 và ông H2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021; Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Trần Thị H1 là được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Kh. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà H1 là chính đáng và phù hợp với ý kiến ông H2 là: Trong trường hợp ly hôn thì ông H2 cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Kh cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Do đó cần ghi nhận ý kiến các bên, giao cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 cho bà Trần Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Ông H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và có thể tự nguyện cấp dưỡng, chu cấp cho con chung.

3.2.2. Đối với cháu Nguyễn Trần Trọng Ng: Năm 2019, bà Trần Thị H1 đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H2. Tại quyết định số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2; Đồng thời công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 cho ông Nguyễn Văn H2 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Hiện nay quyết định số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Đắk Lắk) vẫn đang còn hiệu lực; Bà H1 không có đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con đối với cháu Trọng Ng (thay đổi từ ông H2 sang bà H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục); Đồng thời ông H2 vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Trọng Ng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Trọng Ng, sinh ngày 25/8/2017 (các đương sự thực hiện theo quyết định số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Đắk Lắk).

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn - Bà H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Trần Thị H1 về ly hôn, nuôi con chung;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn H2;

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 cho bà Trần Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Ông Nguyễn Văn H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là Nguyễn Trần Nguyên Kh, sinh ngày 30/7/2021 mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H2 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001729 ngày 08/10/2025.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- THADS Đắk Lắk;
- UBND xã Tân Tiến, T.Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Đức